|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:…...........…………** | **Mẫu số F02 – DNSN** |
| **Địa chỉ:……………………** | (Ban hành kèm theo Thông tư số 132/2018/TT-BTC  ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính) |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*Năm......*

*Đơn vị tính:.............*

| **CHỈ TIÊU** | **Mã****số** | Số còn phải nộp đầu năm | Số phải nộp phát sinhtrong năm | Số đã nộp trong năm | Số còn phải nộp cuối năm |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|  |  |  |  |  |  |
| 1. Thuế GTGT | 01 |  |  |  |  |
| 2. Thuế TNDN  | 02 |  |  |  |  |
| 3. Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào NSNN | 03 |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG**  | **10** |  |  |  |  |

*Lập, ngày ... tháng ... năm ...*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Người đại diện theo pháp luật** |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:***

 *(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.*

 *(2) Đối với đơn vị có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X"; “Số đầu năm" có thể ghi là “01.01.X".*